

NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH Ở HÀN QUỐC QUA CÁC GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ

NGÔ HƯƠNG LAN - HOÀNG MINH HẰNG*

Hàn Quốc là một đất nước có lịch sử lâu đời, đã sản sinh ra và nuôi dưỡng một nền văn hóa - nghệ thuật vô cùng độc đáo. Với vị trí của một bán đảo nằm ở Đông Bắc Á, ba mặt là biển, một mặt tiếp giáp với Trung Quốc và Nga, Hàn Quốc có một vị trí thuận lợi để tiếp thu những ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Hoa vĩ đại, mặt khác lại có khả năng độc lập tương đối để gìn giữ và phát triển những yếu tố văn hóa bản địa độc đáo.

Mặc dù không nổi tiếng như nghệ thuật của hai nước láng giềng là Trung Quốc và Nhật Bản, nhưng nghệ thuật của Hàn Quốc với những nét độc đáo của mình đã tạo cho quốc gia bán đảo này một hình ảnh và giá trị riêng không thể trộn lẫn. Bài viết này sẽ giới thiệu với bạn đọc vài nét về lịch sử phát triển của các bộ môn nghệ thuật tạo hình của Hàn Quốc như hội họa, điêu khắc, kiến trúc.

1. Hội họa

Nghệ thuật vẽ tranh của Hàn Quốc có lịch sử phát triển từ thời Tam Quốc. Các tác phẩm nổi tiếng trong thời kỳ đầu là các bức bích họa trên tường và trần của lăng mộ cổ thời Koguryo. Cảnh mây, núi, hoa lá, cây cối và động vật là những chủ đề thường thấy ở thời kỳ này. Nhìn chung những tranh vẽ trong buổi đầu này đều mang sức sống

và nhịp điệu. Tuy nhiên, bước sang thời Shilla nghệ thuật vẽ tranh lại mang tính suy tư trầm mặc và tỉ mỉ. Do Phật giáo đạt tới đỉnh cao nên phần lớn các bức họa đều vẽ cảnh thực tại và mang tính tôn giáo lấy từ trong các bộ kinh Phật.

Vào thời Koryo, kế thừa truyền thống nghệ thuật của thời kỳ Shilla thống nhất, nghệ thuật vẽ tranh phát triển hưng thịnh với muôn màu muôn vẻ đánh dấu kỷ nguyên vàng của hội họa. Các họa sĩ trong kỷ nguyên này đã sáng tạo ra các bức bích họa trong đền chùa và những tranh cuốn về Phật giáo, cho thấy một thời kỳ thịnh vượng của Phật giáo trên bán đảo. Ngoài ra, vẽ tranh còn là trò giải trí vui thích của tầng lớp trên nên không chỉ mình các họa sĩ mà cả các nhà sư, quý tộc và các học giả cũng vẽ tranh về tôn giáo, phong cảnh và chân dung cũng như các bức tranh bằng mực về chim chóc, hoa lá và tre trúc.

Trong kỷ nguyên Choson của Nho giáo, nghệ thuật vẽ tranh truyền thống Trung Hoa có ảnh hưởng lớn trên bán đảo. Các họa sĩ hầu hết đều sao chép phong cách vẽ của các triều đại Tống, Nguyên và Minh thể hiện ở các nhân vật trong tranh thường mặc quần áo kiểu Trung Quốc còn phong cảnh được vẽ với sự tưởng tượng. Nói như vậy không có nghĩa là các họa sĩ thời bấy giờ chỉ bắt chước một cách đơn thuần mà thực tế họ đã có sự chọn lựa các yếu tố theo thẩm mỹ riêng rồi sử dụng để phát triển phong cách nghệ thuật

* Thạc sỹ, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

truyền thống đặc trưng của mình. Nhìn chung thời kỳ này, các họa sĩ chuyên nghiệp thường vẽ phong cảnh theo yêu cầu của các gia đình quý tộc. Tuy nhiên đến thế kỷ 18, họ đã chuyển sang vẽ về đời sống hàng ngày của nhân dân do chịu ảnh hưởng của phong trào Silhak (Nghiên cứu thực tế) tiếp sau việc những người truyền giáo đạo Thiên chúa đưa khoa học và kỹ thuật của Châu Âu vào bán đảo Triều Tiên. Các bức tranh với chủ đề thế tục này đã hình thành một khuynh hướng mới gọi là “hội họa đời thường”. Tiêu biểu là bức tranh sơn dầu của Kim Hong. Do vẽ về cuộc sống hàng ngày của những người địa chủ, nông dân, thợ thủ công và thương nhân với phong cách chính xác nhưng hài hước, thể hiện nét truyền thống đặc trưng của bán đảo.

Sau khi Nhật Bản biến bán đảo Triều Tiên thành thuộc địa, các phong cách vẽ tranh truyền thống dần bị lấn át bởi phong cách vẽ sơn dầu của phương Tây được du nhập vào và trở nên thịnh hành trong suốt thời kỳ này. Tuy nhiên, đến năm 1945, cùng với việc giải phóng khỏi ách đô hộ của Nhật Bản, nghệ thuật vẽ tranh truyền thống nhờ một số họa sĩ nổi tiếng đã được hồi sinh và bắt kịp với những khuynh hướng đương đại của thế giới bên ngoài. Lúc này, tồn tại hai phong cách vẽ là phong cách phương Đông và phong cách phương Tây mà các họa sĩ Hàn Quốc trong nhiều thập kỷ sau đó luôn muốn cố gắng đồng hoá thành một phong cách Hàn Quốc hiện đại.

Từ cuối thập niên 60, nghệ thuật vẽ tranh của Hàn Quốc lại bắt đầu chuyển hướng sang phong cách trừu tượng mang tính hình học. Các họa sĩ của thời kỳ này rất quan tâm đến các vấn đề chủ

thể chuyển tải sự hoà hợp sẵn có giữa con người với tự nhiên. Đến cuối thập niên 70 thì khuynh hướng này đã mở rộng thành khuynh hướng vẽ tranh đơn sắc.

Các tác phẩm hội họa trong những năm 80 phần lớn là để phản ứng đối với phong cách vẽ tranh những năm 70. Vào thời kỳ này, các họa sĩ cảm thấy rằng nghệ thuật nên truyền tải một thông điệp đề cập đến những vấn đề xã hội hiện tại, vì vậy họ đã cố gắng phân biệt tác phẩm của họ với các hình thức nghệ thuật hiện đại khác. Từ giữa những năm 1980 trở đi, đặc biệt là sau Olympic Seoul năm 1988, xuất hiện khuynh hướng quốc tế hóa mạnh mẽ trong nghệ thuật Hàn Quốc. Có sự tăng lên đáng kể về số lượng của các triển lãm tác phẩm nước ngoài ở Hàn Quốc và của Hàn Quốc ở nước ngoài. Nói một cách khác, nghệ thuật Hàn Quốc hiện đại đã có thể tồn tại trên sân khấu quốc tế. Cùng ngày, sự say mê trở lại của các họa sĩ Hàn Quốc đối với nghệ thuật truyền thống càng phát triển. Họ đã sử dụng kỹ thuật tinh tế và các hình thức diễn tả để tạo ra các bức tranh hiện đại trên cơ sở văn hoá truyền thống Hàn Quốc. Đã có khá nhiều tranh trong thập niên 90 sử dụng cách biểu đạt có kiểm soát và nhiều khoảng trống là những đặc trưng chủ yếu của nghệ thuật truyền thống.

2. Điêu khắc

Có thể thấy nghệ thuật điêu khắc của bán đảo Triều Tiên nói chung phát triển từ khá sớm. Bằng chứng là các tác phẩm chạm khắc trên vách đá Pangudae ở tỉnh Kyongsanbuk-do và một số bức tượng hình người và động vật bằng đất sét đã được xác định có từ thời đồ đá mới. Tuy nhiên, cho đến

trước khi đạo Phật du nhập vào bán đảo thì nghệ thuật điêu khắc ở đây chưa có bước tiến nào đáng kể.

Năm 372 sau công nguyên, Phật giáo lần đầu tiên du nhập vào thông qua các nhà sư Ấn Độ, Tây Tạng và Trung Quốc. Nghệ thuật điêu khắc trên bán đảo từ đây bước sang một giai đoạn phát triển mới cả về nội dung lẫn kỹ thuật. Lúc này điêu khắc của Triều Tiên đồng nghĩa với việc khắc tạc các bức tượng Phật. Chất liệu được sử dụng chủ yếu là đất sét và đồng được mạ vàng.

Thời Koguryo, nghệ thuật điêu khắc tượng Phật mang phong cách đơn giản do chịu ảnh hưởng của yếu tố tự nhiên địa hình gồ ghề cùng với khí hậu khắc nghiệt và phong cách nghệ thuật của nước Bắc Ngụy láng giềng. Các tác phẩm điêu khắc đều có một nét chung, đó là Phật có khuôn mặt dài và gầy, đầu cao trọc, trên đầu có những dấu nổi của Phật, thân thể hình trụ cứng nhắc được khoác lên một chiếc áo choàng dày với những nếp gấp xòe đuôi cá ở đường viền của cả hai mặt và ống tay rộng quá khổ. Quanh đầu và toàn bộ thân thể tượng được bao quanh bởi một vầng hào quang với những trang trí hình ngọn lửa được làm hết sức tỷ mỉ. Còn các bệ ngòai của Phật thường có hình trụ và được trang trí bằng những cánh sen chạm nổi trông thô và cứng. Tác phẩm điêu khắc nổi tiếng đặc trưng cho phong cách điêu khắc Koguryo phải kể đến là tượng Đức Phật Tongsa ngòai bằng đồng mạ vàng, niên đại "Tongga năm thứ 7" (tương đương với năm 539 sau công nguyên), được làm tại đền Dongsa ở Bình Nhưỡng. Cuối thời Koguryo, nghệ thuật điêu khắc tượng Phật có thay đổi ít nhiều, thể

hiện ở gương mặt Phật đầy đặn hơn và đường viền áo mềm mại hơn với những trang trí lên xuống hình chữ M.

Mặc dù vẫn còn lưu giữ phong cách điêu khắc của nhà Ngụy Trung Quốc và của thời Koguryo nhưng điêu khắc thời Paekche đã cho thấy có sự thay đổi đáng kể. Điểm nổi bật của điêu khắc Paekche là sự sáng sủa được thể hiện trong tất cả các tượng Phật vào cuối thế kỷ thứ 6 với nét ấm áp và nhân tính, dấu nổi của Phật nhỏ trên đầu, vóc dáng oai vệ nhưng thư thái, đường nét cong nhiều dưới lớp áo choàng dày và chỗ xoè bên cạnh của viền áo được thu nhỏ lại. Các cánh hoa sen chạm nổi trang trí ở bệ ngòai mang phong cách đơn giản và có sự tinh tế hơn trước. Đặc biệt, đặc trưng lớn nhất không thể pha trộn của phong cách điêu khắc Paekche đó là nụ cười nhân từ trên khuôn mặt phúc hậu của các tượng Phật mà đến nay vẫn còn được nhắc đến với thuật ngữ "Nụ cười Paekche". Tuy nhiên điêu khắc Paekche lại có một số chuyển biến vào cuối thời kỳ này. Do ảnh hưởng của nhà Tùy và nhà Đường Trung Quốc, các tượng Phật trở nên dài và thon với vóc dáng cao hơn. Một số tượng Bồ tát lại ở tư thế cong nhiều hơn là đứng thẳng. Có thể nói nghệ thuật điêu khắc Paekche có phần tao nhã và tinh tế hơn so với các giai đoạn trước. Nguyên nhân chủ yếu có thể là do khí hậu điều hòa và đất đai trở nên màu mỡ hơn trên bán đảo thời kỳ này.

Vào đầu thời Shilla, việc chính thức chấp nhận đạo Phật trở thành quốc đạo đã khiến cho điêu khắc tượng Phật phát triển mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Các nghệ nhân Shilla lần đầu tiên đã có thể xuất khẩu sản phẩm điêu khắc của mình sang Nhật Bản. Phong cách điêu

khắc tượng Phật cũng mang nhiều nét mới, chịu ảnh hưởng của nhà Tùy và nhà Đường Trung Quốc. Các tượng Phật lúc này được thể hiện với những gương mặt đầy đặn phúc hậu, dáng vẻ thư thái và áo quần như thật.

Tuy nhiên, sau khi Shilla trở thành quốc gia thống nhất nhờ việc đánh bại Koguryo và Paekche thì một phong cách điêu khắc mới xuất hiện. Nó phản ánh sự hỗn loạn trong kỷ nguyên chuyển giao, trong khi vẫn còn một số yếu tố khu vực. Điển hình như bộ ba tượng Phật của Kunwi hay tượng Phật bằng vàng của Kuhwangri với phần đầu được thể hiện có sự kết hợp giữa chủ nghĩa trừu tượng truyền thống và chủ nghĩa hiện thực mới. Đó là kiểu đầu cao trọc với một dấu nổi của Phật, khuôn mặt uy nghiêm với mí mắt dày, dải tai chảy dài và dáng người tôn quý nhưng hơi cúi mình được đỡ bằng một bệ đặt góc cạnh. Càng ngày chủ nghĩa hiện thực càng trở nên thịnh hành và ảnh hưởng đến nghệ thuật điêu khắc Shilla mặc dù vẫn còn pha trộn các yếu tố duy tâm. Các tượng Phật trở nên mềm mại hơn với nhiều đường cong cơ thể. Tác phẩm nổi tiếng nhất đại diện cho phong cách điêu khắc này là tượng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bằng granite trong hang đá Sokkuram trên núi Tohamsan ở Kyongju. Đây có thể nói là kiệt tác của nghệ thuật điêu khắc cũng như là hiện thân tối cao của tinh thần tôn giáo lúc bấy giờ. Với một khuôn mặt tròn đầy đặn, lông mày dài, mũi hoàn hảo và nụ cười thánh thiện và dáng vẻ sống động cao quý được khoác lên bởi một áo choàng mỏng cùng với những nếp gấp nông, kiệt tác này đã đưa nghệ thuật điêu khắc Triều Tiên lên đến đỉnh cao nhất của thời Shilla thống nhất. Sau đó vào cuối thời kỳ,

phong cách này mất dần và được thay thế bởi khuynh hướng chủ nghĩa hiện thực mới nhấn mạnh vào sự trang nghiêm của khuôn mặt và sự cân xứng của cơ thể. Các tượng Phật lúc này mang những đường nét cũng như dáng vẻ thờ ơ và thiếu sinh khí.

Nghệ thuật điêu khắc tượng Phật vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong suốt thời Koryo sau đó. Các vị Phật lúc này dưới bàn tay tài hoa của các nghệ nhân Koryo đã mang những nét của người Triều Tiên mà điển hình là mắt và xương gò má, tuy nhiên vẫn còn dáng vóc hình học cứng nhắc mà không có được sinh khí bằng các thời kỳ trước. Tượng Phật bằng sắt của Kwangju, bộ ba tượng Phật bằng đá của đền Kaetaesa, tượng Phật bằng đồng mạ vàng của đền Munsusa và tượng Phật bằng gỗ của đền Pongnimsa, tất cả đều là những tác phẩm nổi tiếng nhất đại diện cho điêu khắc Koryo. Tuy nhiên, số lượng các tác phẩm điêu khắc về Phật giáo đã giảm nhanh chóng vào đầu triều đại Choson tiếp theo, do chính phủ ra lệnh nghiêm cấm đạo Phật. Mặc dù vậy, tượng Phật với chất lượng tốt vẫn được chế tác với những đặc tính và phẩm chất độc đáo riêng.

Sau thời Choson, vào năm 1910, bán đảo Triều Tiên rơi vào ách đô hộ của thực dân Nhật Bản và Nhật Bản đã trở thành lăng kính nhìn ra thế giới của người dân nơi đây. Nghệ thuật nói chung và nghệ thuật điêu khắc nói riêng lúc này trở nên thiếu sự sáng tạo do sự bắt chước phong cách điêu khắc phương Tây mà những người sang học hỏi ở Nhật mang về. Tình trạng này kéo dài cho đến tận cuối những năm 50, nghệ thuật điêu khắc bán đảo Triều Tiên (hay Hàn Quốc nói riêng) mới

thực sự lấy đà trở lại với hai trường phái nghệ thuật đối lập nhau là chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa trừu tượng. Các nhà điêu khắc đã bắt đầu sử dụng nhiều loại vật liệu hơn, bao gồm các loại kim loại khác nhau và đá, do đó đã phá vỡ sự phụ thuộc vào hai vật liệu truyền thống là thạch cao và gỗ. Bước sang thập niên 70, nghệ thuật điêu khắc Hàn Quốc có nhiều bước tiến đáng kể do sự phát triển nhanh chóng của kinh tế đất nước, tuy nhiên các nghệ sĩ trẻ đã hầu như chuyển hoàn toàn sang chủ nghĩa trừu tượng đơn thuần. Những năm 80 lại đánh dấu một phong cách mới chưa từng có trong nghệ thuật điêu khắc Hàn Quốc, đó là sự tích cực và nhân văn hơn của các nghệ sĩ trong sự phản ứng đối với chủ nghĩa duy lý trí cứng nhắc của các thập kỷ trước. Kể từ đó đến nay, nghệ thuật điêu khắc Hàn Quốc ngày càng phát triển đa dạng với nhiều khuynh hướng mới, trong đó đáng chú ý là khuynh hướng chủ nghĩa hiện thực mới của các nghệ sĩ mong muốn phục hồi mối liên kết giữa người nghệ sĩ với công chúng. Ngoài ra, kỹ thuật cũng ngày càng được đề cao và trở thành nhân tố hết sức quan trọng trong nghệ thuật điêu khắc hiện đại.

3. Kiến trúc

Nghệ thuật của bán đảo Triều Tiên nói chung và của Hàn Quốc nói riêng có sự chia sẻ về khái niệm thẩm mỹ, mô tuýp, kỹ thuật và hình thức với hai nước láng giềng là Trung Quốc và Nhật Bản. Mặc dù có nhiều nét tương đồng, nhưng nghệ thuật ở bán đảo này vẫn có một phong cách đặc biệt riêng. Có thể thấy nghệ thuật của Hàn Quốc hiếm khi thể hiện sự cao quý và tách rời của Trung Quốc hay tính trang trí và

triết lý của Nhật Bản mà đặc trưng của nó nằm trong sự mộc mạc và tự nhiên. Nghệ thuật kiến trúc là ví dụ tiêu biểu cho điều này. Bên cạnh đạo Phật là nguồn cảm hứng chính cho nhiều kiểu kiến trúc của quốc gia, triết lý về âm (âm) và yang (dương), thuật phong thủy, đạo Lão và đạo Khổng cũng có ảnh hưởng đến kiến trúc Hàn Quốc. Người Hàn Quốc dễ dàng hòa hợp các nguyên tắc triết học và tôn giáo vào tác phẩm của riêng họ cũng như ứng dụng cách thể hiện riêng trong bố trí kiến trúc.

Tự nhiên thường được coi là một nhân tố quan trọng hàng đầu trong kiến trúc của Hàn Quốc. Có thể thấy kiến trúc cổ đại của Hàn Quốc không bao giờ đi ngược lại với tự nhiên mà luôn cố gắng hài hoà kiến trúc với môi trường tự nhiên xung quanh. Trong việc chọn địa điểm để xây một toà, dù là nhà ở hay lâu đài, đền miếu, người Hàn Quốc đều muốn gắn ý nghĩa đặc biệt với môi trường tự nhiên xung quanh. Theo người Hàn Quốc, sẽ không phải là một địa điểm tốt để xây nhà nếu không có đủ hai yếu tố núi và nước. Suy nghĩ này không chỉ đơn thuần dựa trên thẩm mỹ mà nó còn mang ý nghĩa phong thủy. Các nguyên tắc phong thủy này đã được người Hàn Quốc áp dụng trong việc chọn nơi ở cho cả người sống lẫn người chết và cách bố trí luôn là xuôi ở trước mặt và núi ở sau lưng.

Lịch sử kiến trúc của bán đảo Triều Tiên có từ rất sớm. Các tài liệu đã cho thấy sự tồn tại của ba loại nhà ở thời tiền sử, đó là nhà hang, nhà gỗ và nhà cao. Trong các thời kỳ phong kiến sau đó, cũng như các loại hình nghệ thuật khác, nghệ thuật kiến trúc chịu ảnh hưởng sâu sắc của các triều đại phong

kiến Trung Quốc láng giềng mặc dù vẫn có những dấu ấn văn hoá bản địa riêng. Tiêu biểu như kiến trúc thời Koguryo với những đường nét mạnh mẽ và cấu trúc vững chắc đáp ứng đòi hỏi của điều kiện địa hình gồ ghề và khí hậu khắc nghiệt của đất nước lúc bấy giờ. Ngoài ra, còn có kiến trúc Paekche với những đường cong đặc trưng, kiến trúc Phật giáo độc đáo thời Shilla và Shilla thống nhất. Thời Koryo và Choson, nghệ thuật kiến trúc đi vào những thiết kế chi tiết như con sơn (công-xon), mái, trần và một số trang trí khác, trong đó chủ yếu là con sơn. Hai loại thiết kế con sơn chính thời Koryo bao gồm con sơn đầu cột và con sơn đa cụm. Đến thời Choson do tình hình tài chính khó khăn nên đã ra đời loại con sơn dạng cánh, hai loại trên tuy vẫn được sử dụng nhưng chỉ trong một số công trình quan trọng. Sự du nhập của văn hoá phương Tây vào bán đảo trong thời gian sau đó đã khiến cho kiến trúc cũng như các lĩnh vực nghệ thuật khác suy giảm nghiêm trọng. Nghệ thuật kiến trúc lúc này đi vào những trang trí rườm rà và không cần thiết. Từ cuối những năm 30 đến những năm 50 là giai đoạn tối tăm nhất trong lịch sử kiến trúc hiện đại. Nhật Bản lao vào cuộc chiến tranh kéo dài khiến cho Bán đảo Triều Tiên rơi vào tình trạng túng thiếu về kinh tế và bị kiểm soát chính trị ngặt nghèo. Các hoạt động kiến trúc do vậy bị trì trệ cho đến sau chiến tranh Triều Tiên. Tuy nhiên kể từ đó trở đi, đặc biệt là sau Olympic Seoul 1988, kiến trúc Hàn Quốc bắt đầu bước sang một giai đoạn phát triển mới nhờ chính sách mở cửa đối với các kiến trúc sư nước ngoài. Giai đoạn này, để bắt kịp với các xu hướng quốc tế, nghệ thuật kiến trúc Hàn Quốc đã kết

hợp tính thẩm mỹ và vẻ đẹp truyền thống của đất nước với thẩm mỹ quốc tế và những yêu cầu về chức năng của cuộc sống đương đại. Hiện nay, một trong những nhiệm vụ lớn nhất đang đặt ra là vấn đề bảo vệ các di sản kiến trúc vĩ đại của đất nước bằng cách điều hòa được mối quan hệ giữa phong cách kiến trúc cổ và hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Ánh, Đỗ Đình Hăng, Lê Đình Chính, *Hàn Quốc lịch sử và văn hóa*, Nxb Văn Hóa, 1996.
2. Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Văn Ánh, Đỗ Đình Hăng, Trần Văn La, *Đại Cương lịch sử Thế giới Trung đại*, tập II (các nước phương Đông), Nxb Giáo dục, 1994.
3. *Hàn Quốc xin chào bạn*, Cục Thông tin Hàn Quốc xuất bản, Seoul, 1999.
4. Đặng Văn Lung (chủ biên) "*Tiếp cận văn hóa Hàn Quốc*", Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2002 (sách dịch).
5. Korean Education Development Institute, "*Korea, the land of morning calm*", Seoul, Korea, 2002.
6. Các trang web về văn hóa, nghệ thuật Hàn Quốc:
<http://www.korean-arts.com/>
<http://www.clickkorea.org/>
<http://www.koreana.or.kr/>
<http://www.metmuseum.org/explore/publications>
